

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
Số: 9059	ĐẾN
Ngày: 21/3/14	
Chuyển: MR	
Lưu hồ sơ số:	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
Quý 4 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		914,944,310,720	1,194,601,380,425
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25,411,988,129	32,560,045,539
1. Tiền	111		25,411,988,129	32,560,045,539
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		52,022,600,134	42,494,885,734
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	55,103,953,526	47,894,261,926
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3,081,353,392)	(5,399,376,192)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		591,851,619,800	872,649,339,007
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	562,319,717,525	800,427,166,131
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	18,357,092,515	26,410,650,709
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	V.6	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.7	21,103,991,527	53,255,953,041
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.8	(9,929,181,767)	(7,444,430,874)
IV. Hàng tồn kho	140		215,598,025,302	226,636,454,311
1. Hàng tồn kho	141	V.9	215,903,931,893	227,296,578,621
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.10	(305,906,591)	(660,124,310)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30,060,077,355	20,260,655,834
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	326,544,981	2,442,112,040
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11,120,274,325	1,137,546,399
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.12	2,970,026,965	4,649,229,514
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.13	15,643,231,084	12,031,767,881

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		481,023,067,072	485,841,732,265
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		109,013,707	99,013,707
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		109,013,707	99,013,707
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		380,674,983,858	388,055,940,536
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	25,370,651,153	33,820,103,262
<i>Nguyên giá</i>	222		77,555,438,883	84,816,443,380
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(52,184,787,730)	(50,996,340,118)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	4,646,718,690	4,967,730,076
<i>Nguyên giá</i>	228		7,785,616,028	7,797,616,028
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,138,897,338)	(2,829,885,952)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	350,657,614,015	349,268,107,198
III. Bất động sản đầu tư	240		41,109,000,000	-
<i>Nguyên giá</i>	241		41,109,000,000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		51,456,587,615	82,965,608,536
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	10,124,917,464	10,124,917,464
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	50,068,487,615	70,588,367,117
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	1,388,100,000	12,600,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài h	259	V.20	(10,124,917,464)	(10,347,676,045)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7,673,481,892	14,721,169,486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	3,889,433,054	5,768,264,468
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	2,928,223,465	7,827,129,565
3. Tài sản dài hạn khác	268		855,825,373	1,125,775,453
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,395,967,377,792	1,680,443,112,690

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,317,710,201,022	1,515,469,320,487
I. Nợ ngắn hạn	310		1,044,675,350,503	1,093,106,348,798
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	546,555,488,660	591,527,409,060
2. Phải trả người bán	312	V.24	383,122,696,411	366,288,380,094
3. Người mua trả tiền trước	313	V.25	11,598,469,052	12,469,240,452
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.26	6,734,464,346	7,052,316,977
5. Phải trả người lao động	315		3,669,113,705	3,558,158,283
6. Chi phí phải trả	316	V.27	22,854,836,489	17,635,362,874
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318	V.28	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.29	67,635,966,827	91,200,033,334
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.30	1,592,720,814	2,305,158,525
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.35	911,594,199	1,070,289,199
II. Nợ dài hạn	330		273,034,850,519	422,362,971,689
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.31	131,686,566,200	132,186,566,200
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.32	141,348,284,319	290,172,344,489
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.33	-	4,061,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73,647,078,529	156,677,396,318
I. Vốn chủ sở hữu	410		73,647,078,529	156,677,396,318
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	100,150,690,000	100,150,690,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	81,585,637,916	81,585,637,916
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.34	(1,012,784,684)	(1,012,784,684)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.34	13,505,530,720	13,505,530,720
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.34	10,642,805,753	10,642,805,753
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.34	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.34	(131,224,801,176)	(48,194,483,387)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		4,610,098,241	8,296,395,885
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,395,967,377,792	1,680,443,112,690

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		385,152,195	385,152,195
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1,239	161,212.54
Euro (EUR)			4,350.37
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2014



Trần Hà Nguyễn Huy Tuấn
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Công Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2013	
				Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	400,599,646,800	607,203,358,417	1,650,700,113,779	2,394,865,306,104
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	(4,930,687,384)	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		400,599,646,800	607,203,358,417	1,645,769,426,395	2,394,865,306,104
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	390,665,963,570	592,528,923,593	1,605,152,245,644	2,299,740,062,877
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,933,683,230	14,674,434,824	40,617,180,751	95,125,243,227
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	(1,239,281,934)	8,688,744,485	13,639,932,780	65,068,061,622
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	28,342,759,279	37,868,010,980	96,313,927,597	139,155,932,421
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		27,984,612,420	37,063,335,529	95,416,320,148	138,649,770,818
8	Chi phí bán hàng	24	VI.5	3,799,461,539	707,242,355	7,976,609,276	4,292,358,790
9	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	25	VI.6	5,780,770,371	12,548,703,964	26,212,274,427	43,681,863,344
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(29,228,589,893)	(27,760,777,990)	(76,245,697,769)	(26,936,849,706)
11	Thu nhập khác	31	VI.7	2,918,994,359	3,300,265,344	3,957,842,438	11,173,400,960
12	Chi phí khác	32	VI.8	2,969,721,357	10,683,525,756	6,467,053,233	16,601,976,552
13	Lợi nhuận khác	40		(50,726,998)	(7,383,260,412)	(2,509,210,795)	(5,428,575,592)
14	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			(2,768,928,833)	867,125,955	(1,970,592,329)	3,719,912,091
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(32,048,245,724)	(34,276,912,447)	(80,725,500,893)	(28,645,513,207)
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		369,684,093	(1,405,383,675)	919,330,302	7,218,057
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		5,277,394,002	(5,177,307,458)	4,898,906,100	(4,941,005,748)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(37,695,323,819)	(27,694,221,314)	(86,543,737,295)	(23,711,725,516)
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1,297,836,236)	826,817,707	(3,686,297,644)	60,677,021
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(36,397,487,583)	(28,521,039,021)	(82,857,439,651)	(23,772,402,537)
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9		(1,091)		(1,091)

NGƯỜI LẬP



TRẦN HÀ NGUYỄN HUY TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THANH TUẤN



TRẦN CÔNG QUỐC BẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	12 THÁNG NĂM 2013	12 THÁNG NĂM 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(80,725,500,893)	(15,611,800,257)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.14, V.15	6,826,308,043	7,829,463,019
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.8, V.10, V.20	(410,248,207)	(858,721,990)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	10,172,334	(66,694,157)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.4	(6,191,023,532)	(17,319,470,257)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	94,260,885,700	138,990,786,916
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13,770,593,445	112,963,563,274
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		255,149,200,020	119,583,472,229
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		54,475,809,446	70,360,102,911
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(20,340,677,031)	(83,223,961,471)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,994,398,473	(941,254,495)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27, VI.4	(105,993,765,796)	(169,849,607,808)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.26	(1,697,521,672)	259,040,770
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		9,344,268,580	12,983,892,401
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(9,571,785,901)	(14,209,816,171)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		199,130,519,564	47,925,431,640
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.14, V.16	(41,411,017,420)	(4,419,303,619)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,944,063,636	5,268,213,609
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(26,500,000,000)	(6,091,932,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	13,700,000,000	6,930,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2, V.18, V.19	(1,388,100,000)	(430,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		35,345,011,400	1,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	3,662,445,980	4,220,901,842
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(14,647,596,404)	6,477,879,832

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	12 THÁNG NĂM 2013	12 THÁNG NĂM 2012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.23, V.32	1,609,268,799,149	2,473,223,359,527
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.23, V.32	(1,800,899,779,719)	(2,556,603,148,669)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(191,630,980,570)	(83,379,789,142)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7,148,057,410)	(28,976,477,670)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	32,560,045,539	61,560,422,034
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			(23,898,825)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	25,411,988,129	32,560,045,539

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2014


 Trần Hà Nguyễn Huy Tuấn
 Người lập


 Phạm Thanh Tuấn
 Kế toán trưởng



Trần Công Quốc Bảo
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, xây dựng, đầu tư, sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp;
Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác;
Đầu tư kinh doanh nhà, xe máy thiết bị, phụ tùng và các phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, các sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm;
Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi (không được sản xuất vật liệu xây dựng, nhựa, cao su; chế biến thực phẩm tươi sống trong khu dân cư tập trung ở TP. Hồ Chí Minh);
...
4. **Tổng số các công ty con** : 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01.

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01.

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn VINA-PSMC	Lô 1699 Khu công nghiệp Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An	70%	60%
Công ty TNHH TM XD và KD Nhà An Phúc	Lầu 6 9-19 Hồ Tùng Mậu, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, tp. Hồ Chí Minh	100%	100%

6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lý do</i>
Công ty C&T Ukraina	Ukraina, Odessa city, Cnhiznui Pereulok 11	Chưa có Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	Lầu 3-số 49 Lê Quốc Hưng, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	45.67 %	45.67 %
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Áp Phước Lộc, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	47.75 %	47.75 %
Công ty CP XDDD & CN Phía Nam	Số 30 đường Hoa Lan- Phường 02 – quận Phú Nhuận, TP.HCM	33.33%	33.33%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký số cái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho:

- Nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho: thực tế đích danh.
- Thành phẩm tồn kho: bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đối với hoạt động xây lắp: được đánh giá theo tỷ lệ hoàn thành công trình.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Máy móc và thiết bị	08-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-08

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 1 - 3 năm.

Tiền thuê nhà

Tiền thuê nhà được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo hợp đồng.

Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

12. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính từ 0,5% đến 2% trên doanh thu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

17. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

- Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư **179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012** của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.828 VND/USD
31/12/2013 : 21.085 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

21. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được khách hàng phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn, chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Tập đoàn được trình bày ở thuyết minh VIII.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	543,174,654	567,306,432
Tiền gửi ngân hàng	24,868,813,475	31,992,739,107
Cộng	<u>25,411,988,129</u>	<u>32,560,045,539</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	5,379,474,192	10,969,782,592
<i>Cổ phiếu</i>	<i>5,379,474,191</i>	<i>10,969,782,592</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	49,724,479,334	36,924,479,334
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (*)</i>	<i>42,100,000,000</i>	<i>23,600,000,000</i>
<i>Đầu tư ngắn hạn khác (**)</i>	<i>7,624,479,334</i>	<i>13,324,479,334</i>
Cộng	<u>55,103,953,526</u>	<u>47,894,261,926</u>

(*) Khoản tiền này đã được thế chấp để đảm bảo nợ vay tại các Ngân hàng.

(**) Khoản tiền cho vay.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Số đầu năm	5,399,376,192
Trích lập dự phòng bổ sung	20,433,200
Hoàn nhập dự phòng	(2,338,456,000)
Số cuối kỳ	<u>3,081,353,392</u>

4. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng là các đơn vị thành viên	10,489,208,017	9,791,609,140
Khách hàng bên ngoài	551,830,509,508	790,635,556,991
Cộng	<u>562,319,717,525</u>	<u>800,427,166,131</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp sắt thép	-	2,702,074,629
Nhà cung cấp xi măng	35,180,242	913,427,921
Nhà cung cấp dịch vụ - vận chuyển	357,250,000	15,230,826,120
Nhà thầu phụ	6,715,653,154	5,830,298,428
Kinh doanh đất	3,918,273,221	1,734,023,611
Nhà cung cấp vật tư khác	7,330,735,898	-
Cộng	<u>18,357,092,515</u>	<u>26,410,650,709</u>

7. Các khoản phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Bảo Ngọc Tú – tiền hợp tác đầu tư xây dựng chung cư Phú Long		41,109,000,000
Phải thu khác	21,103,991,527	12,146,953,041
Cộng	<u>21,103,991,527</u>	<u>53,255,953,041</u>

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi :

Số đầu năm	7,444,430,874
Trích lập dự phòng bổ sung	2,526,831,035
Hoàn nhập dự phòng	(42,080,142)
Số cuối năm	<u>9,929,181,767</u>

9. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3,401,766,058	3,790,119,828
Công cụ, dụng cụ	352,757,486	571,434,799
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	170,690,688,075	183,537,721,981
Thành phẩm	2,397,232,811	1,280,986,916
Hàng hóa	33,748,891,819	36,487,034,217
Hàng gửi đi bán	5,312,595,644	1,629,280,880
Cộng	<u>215,903,931,893</u>	<u>227,296,578,621</u>

10. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:*

Số đầu năm	(660,124,310)
Trích lập dự phòng bổ sung	(31,848,409)
Hoàn nhập dự phòng	386,066,128
Số cuối năm	<u>(305,906,591)</u>

11. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí dự án	69,596,206	540,132,896	(609,729,102)	
Các chi phí khác	2,372,515,834	8,767,473,203	(10,813,444,056)	326,544,981
Cộng	<u>2,442,112,040</u>	<u>9,307,606,099</u>	<u>(11,423,173,158)</u>	<u>326,544,981</u>

12. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế NK,GTGT NK tạm nộp	2,236,574,878	2,875,649,085
Thuế TNDN thừa	733,452,087	1,773,580,429
Cộng	<u>2,970,026,965</u>	<u>4,649,229,514</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	9,674,884,544	6,986,304,528
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,968,346,540	5,045,463,353
Cộng	<u>15,643,231,084</u>	<u>12,031,767,881</u>

14. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	16,893,387,804	61,489,629,067	4,955,140,380	1,478,286,129	84,816,443,380
Tăng trong năm	-	1,168,982,658	-	-	1,168,982,658
<i>Mua trong năm</i>		<i>1,168,982,658</i>			<i>1,168,982,658</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>					
Giảm trong năm	(73,525,287)	(7,200,868,502)	(454,880,286)	(700,713,080)	(8,429,987,155)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(73,525,287)</i>	<i>(7,200,868,502)</i>	<i>(454,880,286)</i>	<i>(700,713,080)</i>	<i>(8,429,987,155)</i>
Số cuối năm	<u>16,819,862,517</u>	<u>55,457,743,223</u>	<u>4,500,260,094</u>	<u>777,573,049</u>	<u>77,555,438,883</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>44,761,903</i>	<i>20,447,728,222</i>	<i>2,954,819,060</i>	<i>883,740,523</i>	<i>24,331,049,708</i>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7,623,006,728	38,341,284,496	3,847,541,819	1,184,507,075	50,996,340,118
Khấu hao trong năm	1,390,718,368	4,813,665,992	212,869,677	88,042,620	6,505,296,657
Giảm trong năm	(26,633,149)	(4,273,333,050)	(454,880,286)	(562,002,560)	(5,316,849,045)
<i>Thanh lý, nhượng bán trong năm</i>	<i>(26,633,149)</i>	<i>(4,273,333,050)</i>	<i>(454,880,286)</i>	<i>(562,002,560)</i>	<i>(5,316,849,045)</i>
Số cuối năm	<u>8,987,091,947</u>	<u>38,881,617,438</u>	<u>3,605,531,210</u>	<u>710,547,135</u>	<u>52,184,787,730</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9,270,381,089	23,148,344,556	1,107,598,550	293,779,111	33,820,103,262
Số cuối năm	<u>7,832,770,570</u>	<u>16,576,125,785</u>	<u>894,728,884</u>	<u>67,025,914</u>	<u>25,370,651,153</u>

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	7,667,494,755	130,121,273	7,797,616,028
Tăng trong kỳ			

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giảm trong kỳ		(12,000,000)	(12,000,000)
Số cuối kỳ	7,667,494,755	118,121,273	7,785,616,028
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		130,121,273	130,121,273
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,699,764,679	130,121,273	2,829,885,952
Khấu hao trong năm	321,011,386		321,011,386
Số cuối năm	3,020,776,065	118,121,273	3,138,897,338
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4,967,730,076	-	4,967,730,076
Số cuối năm	4,646,718,690	-	4,646,718,690

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ				
XDCB dở dang	349,268,107,198	1,911,699,687	(522,192,871)	285,624,615,182
- Dự án C&T Plaza - Q2	284,014,932,915	1,683,182,267		285,698,115,182
- Các công trình khác	65,253,174,283	228,517,420	(522,192,871)	64,959,498,833
Cộng	349,268,107,198	1,911,699,687	(522,192,871)	350,657,614,015

17. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con - Công ty C&T Ukraina bị loại khỏi quá trình hợp nhất (xem Thuyết minh số 1.6).

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	45,67%	9,277,981,900
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	47,75 %	36,601,000,227
Công ty CP XD dân dụng và công nghiệp Phía Nam	33,33%	205,128,846
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	10%	1,829,254,549
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	25,76%	2,155,122,093
Cộng		50,068,487,615

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty bê tông xây dựng Thăng Long		10,200,000,000
Dự án BOT cầu Đồng Nai		2,400,000,000
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	1,388,100,000	
Cộng	1,388,100,000	12,600,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn		222,758,581
Dự phòng giảm giá đầu tư của công ty con C&T Ukraina	10,124,917,464	10,124,917,464
Cộng	<u>10,124,917,464</u>	<u>10,347,676,045</u>

21. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí trả trước dài hạn -BB Nhơn Trạch	284,042,321		(284,042,321)	
Chi phí trả trước dài hạn -Xưởng Nghi Sơn	4,806,412,609		(1,602,137,532)	3,204,275,077
Chi phí sửa chữa	95,935,831	406,266,272	(377,809,807)	124,392,296
Chi phí -Mô đá Trà Đuốc	169,373,709	621,961,294	(368,069,316)	423,265,687
Chi phí phát hành trái phiếu	412,499,998		(275,000,004)	137,499,994
Cộng	<u>5,768,264,468</u>	<u>1,028,227,566</u>	<u>(2,907,058,980)</u>	<u>3,889,433,054</u>

23. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	<u>487,729,356,690</u>	<u>587,106,309,060</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	39,438,087,115	44,991,748,189
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	42,294,485,466	49,727,332,771
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	59,840,347,296	94,330,021,638
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	74,257,066,498	119,870,076,056
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam -Thịnh Vượng	24,780,912,387	
Ngân hàng Cp Quận Đới -CN Chợ Lớn	97,695,608,558	120,725,879,692
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương VN-CN TP HCM	65,893,173,793	69,997,998,813
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long - CN Gia Định	82,779,675,577	82,834,251,901
Tổng Công Ty Xây Dựng Số 1		3,579,000,000
Vay tổ chức và cá nhân khác	750,000,000	1,050,000,000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	<u>58,826,131,970</u>	<u>4,421,100,000</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	2,826,131,970	421,100,000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	5,000,000,000	4,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định	11,000,000,000	
Phát hành trái phiếu-kỳ hạn 2 năm	40,000,000,000	
Cộng	<u>546,555,488,660</u>	<u>591,527,409,060</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	591,527,409,060
Số tiền vay phát sinh trong năm	1,553,253,421,479
Số tiền vay chuyển từ nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả	59,526,131,970
Số tiền đã trả trong năm	<u>(1,657,751,473,849)</u>
Số cuối năm	<u>546,555,488,660</u>

24. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án	3,177,244,000	3,177,244,000
Các đơn vị dịch vụ	23,398,401,593	22,922,911,474
Các đơn vị mua ngoài	27,599,876,567	35,445,233,734
Các đơn vị nội bộ	23,677,450,814	55,310,940,546
Các nhà máy thép	144,889,729,573	159,902,430,843
Các nhà máy xi măng	132,057,145,638	53,110,237,681
Các thầu phụ XL	15,525,961,569	16,842,172,872
Các nhà cung cấp khác	12,796,886,657	19,577,208,944
Cộng	<u>383,122,696,411</u>	<u>366,288,380,094</u>

25. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng là các đơn vị thành viên		
Khách hàng bên ngoài	11,598,469,052	12,469,240,452
Cộng	<u>11,598,469,052</u>	<u>12,469,240,452</u>

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4,476,994,070	4,044,539,706	(3,974,214,885)	4,547,318,891
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		2,940,616,193	(2,940,616,193)	
Thuế xuất, nhập khẩu	(2,875,649,085)	1,079,328,143	(421,982,066)	(2,218,303,008)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,701,602,180)	2,887,024,534	(1,697,521,672)	(512,099,318)
Thuế thu nhập cá nhân	499,012,291	450,882,141	(446,786,805)	503,107,627

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế tài nguyên	1,094,172,839	2,354,960,964	(2,535,461,939)	913,671,864
Các loại thuế khác	910,159,528	2,127,756,588	(2,513,820,246)	524,095,870
Cộng	2,403,087,463	15,885,108,269	(14,530,403,806)	3,757,791,926

Trong đó :

Thuế phải nộp Nhà Nước đến 31/12/2013 6,734,464,346

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*) 2,970,026,965

(*) Trong đó khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.12),

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu:	0%
- Sắt, thép, vận chuyển, cọc ván bê tông, phế liệu:	10%
- Các hoạt động khác:	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	13,734,247,561	5,968,981,130
Chi phí vận chuyển	6,765,732,072	5,804,594,944
Chi phí khác	2,354,856,856	5,861,786,800
Cộng	22,854,836,489	17,635,362,874

29. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho các khách hàng xây lắp	6,167,369,121	6,982,381,260
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	885,392,130	892,805,638
Đất Rạch Giá	2,027,736,000	7,656,561,600
Khu đô thị mới Hà Tiên	42,601,637,448	46,877,783,601

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả khác	15,953,832,128	28,790,501,235
Cộng	<u>67,635,966,827</u>	<u>91,200,033,334</u>

30. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí bảo hành các công trình xây dựng. Chi tiết số phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	2,305,158,525
Tăng do trích lập trong kỳ	607,189,449
Số đã sử dụng trong kỳ	(179,120,636)
Số đã hoàn nhập trong kỳ	<u>(1,140,506,524)</u>
Số cuối kỳ	<u>1,592,720,814</u>

31. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xây dựng số 5 góp vốn dự án An phúc -Quận 8	58,403,000,000	58,403,000,000
Công ty đầu tư xây dựng phát triển Sông Đà – tiền góp vốn đầu tư dự án An Phú, quận 2, TP. HCM	73,283,566,200	73,783,566,200
Cộng	<u>131,686,566,200</u>	<u>132,186,566,200</u>

32. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	<i>111,619,559,619</i>	<i>144,654,691,589</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	27,528,559,619	32,054,691,589
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định	5,600,000,000	16,600,000,000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	78,491,000,000	96,000,000,000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	<i>29,728,724,700</i>	<i>145,517,652,900</i>
Vay dài hạn cá nhân	29,728,724,700	27,269,280,900
Nợ dài hạn khác		78,248,372,000
Nợ dài hạn	-	<i>40,000,000,000</i>
Phát hành trái phiếu-kỳ hạn 2 năm		40,000,000,000
Cộng	<u>141,348,284,319</u>	<u>290,172,344,489</u>

Chi tiết số phát sinh như sau:

Số đầu năm	290,172,344,489
Số tiền phát sinh trong năm	35,224,245,700
Số tiền đã trả trong năm	(124,522,173,900)
Số tiền vay chuyển từ nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả	<u>(59,526,131,970)</u>
Số cuối năm	<u>141,348,284,319</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	111,619,559,619		111,619,559,619	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	29,728,724,700		29,728,724,700	-
Cộng	141,348,284,319		141,348,284,319	-

33. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	4,061.000
Số hoàn nhập trong kỳ	
Số chi trong kỳ	(4,061,000)
Số cuối kỳ	-

34. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 35

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước

Tạm ứng cổ tức năm nay

Cộng

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.015.069	10.015.069
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.015.069	10.015.069
- Cổ phiếu phổ thông	10.015.069	10.015.069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.915.069	9.915.069
- Cổ phiếu phổ thông	9.915.069	9.915.069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**35. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	1,070,289,199
Số trích lập trong kỳ	-
Số chi trong kỳ	(158,695,000)
Số cuối kỳ	911,594,199

VI. THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	12 THÁNG NĂM 2013	12 THÁNG NĂM 2012
Tổng doanh thu	1,650,700,113,779	2,394,865,306,104
- Doanh thu bán hàng hóa	1,505,060,059,498	2,081,545,221,384
- Doanh thu bán hàng thành phẩm	30,152,798,834	169,418,704,079
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14,074,782,012	12,451,919,610
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	27,340,944,418	17,191,946,215
- Doanh thu hoạt động xây dựng	74,071,529,017	114,257,514,816
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(4,930,687,384)	
Doanh thu thuần	1,645,769,426,395	2,394,865,306,104

2. Giá vốn hàng bán

	12 THÁNG NĂM 2013	12 THÁNG NĂM 2012
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1,468,322,984,014	2,019,652,808,436
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ^(a)	31,300,108,499	153,733,843,264
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10,370,577,936	7,278,690,301
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	25,299,512,266	15,788,522,036
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ^(b)	69,859,062,929	103,286,198,840
CỘ	1,605,152,245,644	2,299,740,062,877

^(a) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau :

	12 THÁNG NĂM 2013	12 THÁNG NĂM 2012
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	16,750,426,087	70,839,987,524
Chi nhân công trực tiếp	4,533,105,494	10,586,853,061
Chi phí sản xuất chung	10,870,263,726	25,197,173,985
Tổng chi phí sản xuất	32,153,795,307	106,624,014,570
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4,387,337,972	(1,508,457,732)
Tổng giá thành sản xuất	36,541,133,279	105,115,556,838
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(1,677,783,021)	16,361,645,026

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Thành phẩm nhập khác	120,073,005	16,162,261,381
Chênh lệch hàng gửi đi bán	(3,683,314,764)	16,767,010,046
Chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(672,630,027)
Khác		
Giá vốn của thành phẩm	<u>31,300,108,499</u>	<u>153,733,843,264</u>
 (b) Giá vốn hợp đồng xây dựng trong năm như sau:		
	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	11,818,071,485	10,532,592,986
Chi nhân công trực tiếp	1,880,790,000	1,064,780,000
Chi phí sản xuất chung	50,516,375,859	84,757,282,998
Tổng chi phí sản xuất	64,215,237,344	96,354,655,984
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5,643,825,585	6,931,542,856
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	<u>69,859,062,929</u>	<u>103,286,198,840</u>
 3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,142,638,576	917,179,813
Lãi tiền gửi cho vay ; không kỳ hạn	2,335,401,539	3,338,907,079
Lãi bán hàng trả chậm	10,083,475,363	59,576,349,418
Lãi kinh doanh chứng khoán		-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,977,778	962,073,815
Lãi chuyển nhượng vốn	54,781,520	33,382,511
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21,658,004	240,168,986
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Doanh thu tài chính	<u>13,639,932,780</u>	<u>65,068,061,622</u>
 4. Chi phí tài chính		
	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Chi phí lãi vay	95,267,850,362	138,875,374,241
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	40,988,714
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	922,464,903	29,654,400
Chi phí tài chính khác	123,612,332	269,223,866
Chi phí tài chính	<u>96,313,927,597</u>	<u>139,155,932,421</u>
 5. Chi phí bán hàng		
	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Chi phí cho nhân viên	3,393,164,000	63,974,315

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,583,445,276	2,094,559,463
Chi phí khác	-	2,133,825,012
Cộng	7,976,609,276	4,292,358,790

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Chi phí nhân viên quản lý	10,305,002,106	18,949,834,391
Chi phí vật liệu quản lý	87,794,623	76,138,902
Chi phí khấu hao TSCĐ	342,556,703	389,261,403
Chi phí bằng tiền khác	15,476,920,995	24,266,628,648
Cộng	26,212,274,427	43,681,863,344

7. Thu nhập khác

	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Thanh lý tài sản cố định	1,914,863,636	6,032,254,756
Thu tiền phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng	-	935,982,006
Thu khác	2,042,978,802	4,205,164,198
Cộng	3,957,842,438	11,173,400,960

8. Chi phí khác

	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	2,851,330,909	5,268,213,609
Trả tiền phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng	2,732,677,881	10,162,184,090
Chi khác	883,044,443	1,171,578,853
Cộng	6,467,053,233	16,601,976,552

9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh :

	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và TM Ban Tích	65,861,637	937,033,990
Công ty Cổ phần Xây dựng và TM Biển Tây		658,371,575
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch		2,582,426,947
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phước Hòa	(1,662,970,917)	77,886,958
Công ty CP XD dân dụng và công nghiệp Phía Nam	(373,483,049)	(535,807,379)
Cộng	(1,970,592,329)	3,719,912,091

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(82,857,439,651)	(23,772,402,537)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(82,857,439,651)	(23,772,402,537)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	9.915.069	9.915.069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(8,357)</u>	<u>(2,374)</u>

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>12 THÁNG NĂM 2013</u>	<u>12 THÁNG NĂM 2012</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9,915,069	9,915,069
Ảnh hưởng của phát hành của CP trong kỳ		
Mua Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>9,915,069</u>	<u>9,915,069</u>

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và 33, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số V.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
Tài sản tài chính	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	25,411,988,129	32,560,045,539

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đầu tư tài chính ngắn hạn	52,022,600,134	42,494,885,734
Phải thu khách hàng	552,390,535,758	792,982,735,257
Phải thu khác	21,103,991,527	53,255,953,041
Đầu tư tài chính dài hạn	1,388,100,000	12,377,241,419
Tài sản tài chính khác	6,824,171,913	6,171,238,806
Tổng cộng	659,141,387,46	939,842,099,796
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	546,555,488,660	591,527,409,060
Phải trả người bán	383,122,696,411	366,288,380,094
Phải trả khác	66,750,574,697	90,307,227,696
Chi phí phải trả	22,854,836,489	17,635,362,874
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1,592,720,814	2,305,158,525
Vay và nợ dài hạn	273,034,850,519	422,358,910,689
Tổng cộng	1,293,911,167,590	1,490,422,448,938

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
Đô la Mỹ USD)	3,964,089,516	1.116.069.659		
Euro (EUR)	108,539,836	108,294,147		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Vay và nợ ngắn hạn	546,555,488,660		546,555,488,660
Phải trả người bán	383,122,696,411		383,122,696,411
Phải trả khác	66,750,574,697		66,750,574,697
Chi phí phải trả	22,854,836,489		22,854,836,489
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1,592,720,814		1,592,720,814
Vay và nợ dài hạn	-	273,034,850,519	273,034,850,519
Tổng cộng	1,020,876,317,071	273,034,850,519	1,293,911,167,590

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Vay và nợ ngắn hạn	591,527,409,060		591,527,409,060
Phải trả người bán	366,288,380,094		366,288,380,094
Phải trả khác	90,307,227,696		90,307,227,696
Chi phí phải trả	17,635,362,874		17,635,362,874
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2,305,158,525		2,305,158,525
Vay và nợ dài hạn	-	422,358,910,689	422,358,910,689
Tổng cộng	1,068,063,538,249	422,358,910,689	1,490,422,448,938

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	25,411,988,129		25,411,988,129
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52,022,600,134		52,022,600,134
Phải thu khách hàng	552,390,535,758		552,390,535,758
Phải thu khác	21,103,991,527		21,103,991,527
Đầu tư tài chính dài hạn		1,165,341,419	1,165,341,419
Tài sản tài chính khác	5,968,346,540	855,825,373	6,824,171,913
Tổng cộng	656,897,462,088	2,021,166,792	658,918,628,880

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32,560,045,539		32,560,045,539
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42,494,885,734		42,494,885,734
Phải thu khách hàng	792,982,735,257		792,982,735,257
Phải thu khác	53,255,953,041		53,255,953,041
Đầu tư tài chính dài hạn		12,377,241,419	12,377,241,419
Tài sản tài chính khác	5,045,463,353	1,125,775,453	6,171,238,806
Tổng cộng	926,339,082,924	13,503,016,872	939,842,099,796

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Nghiệp vụ giữa Công ty mẹ với các công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Nghiệp vụ giữa Công ty mẹ với các công ty con và công ty liên kết được công bố trong Báo cáo tài chính riêng của từng công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty xây dựng số 1	Cổ đông chiếm 34,45% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	Công ty liên kết chiếm 10% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	Công ty liên kết chiếm 45.67 % vốn điều lệ
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Công ty liên kết chiếm 47.75 % vốn điều lệ
Công ty CP XDDD &CN Phía Nam	Công ty liên kết chiếm 33.33 % vốn điều lệ
Công ty TNHH thương mại – xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc	Công ty liên kết chiếm 100% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty xây dựng số 1		
Thực hiện xây lắp	22,874,986,796	137.957.862.307
Mua vật tư	84,817,774,301	
Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn VINA- PSMC		
Cho vay	2,165,000,000	1.750.000.000
Bán vật tư - không VAT	1,613,814,804	47.371.525.572
Mua vật tư - không VAT	233,555,027	85.745.963.468
Lãi bán vật tư trả chậm	148,469,786	3.936.219.751
Bán TSCĐ		254.545.455
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây		
Bán vật tư + lãi chậm trả	678,308,426	120.518.093.997
Khai thác đá	9,569,582,914	15.135.520.795
Giao thầu xây lắp	1,311,534,504	
Mua vật tư	32,677,363,084	188.359.415.224
Cho vay		
Cổ tức		1.008.840.000
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích		
Bán vật tư + lãi chậm trả	33,494,595,257	115.990.899.214
Mua vật tư	146,714,987,060	127.921.237.690
Cổ tức		
Công ty cổ phần XDDD & CN Phía Nam		
Bán vật tư	969,867,011	
Giao thầu xây lắp	7,167,272,959	20.152.099.214
Cho vay + lãi	1,416,390,000	1.170.000.000
Công ty TNHH đầu tư & XD Phước Hòa		
Giao thầu xây lắp	38,646,281,150	35,615,699,474

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bán vật tư		750,644,596
Cho thuê thiết bị	8,800,000	
Cho vay	120,000,000	
Lãi trả chậm	31,254,869	
Công ty TNHH TM và XD KD		
Nhà An Phúc		
Cho vay		
Lãi vay	6,159,083,848	7,641,568,366
Tại ngày kết thúc 31/12/2013, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty xây dựng số 1		
Thực hiện xây lắp	4,165,687,954	94,060,142,549
Bán vật tư		
Nhập ủy thác		
Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn		
VINA- PSMC		
Cho vay	2,315,000,000	150,000,000
Bán vật tư	649,076,257	2,508,043,597
Cổ tức	3,222,560,421	3,222,560,421
Ứng trước tiền hàng		
Công ty cổ phần xây dựng và thương		
mại Biển Tây		
Khai thác đá Trà Đước	7,137,817,581	6,351,145,661
Phải thu khác	1,000,000,000	1,000,000,000
Cổ tức	477,511,000	1,977,511,000
Công ty cổ phần xây dựng và thương		
mại Ban Tích		
Bán vật tư	8,949,160,740	7,803,092,330
Công ty cổ phần XDDD & CN Phía		
Nam		
Bán vật tư		830,399,438
Giao thầu xây lắp	2,939,700,980	3,138,712,850
Cho vay		6,870,000,000
Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa		
Giao thầu xây lắp	720,786,557	207,822,652
Bán vật tư		1,250,482,039
Cho thuê thiết bị		
Cho vay	4,423,510,000	4,423,510,000
Công ty TNHH TM và XD KD Nhà		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
An Phúc		
Cho vay	37,979,962,059	37,979,962,059
Lãi vay	26,084,412,455	19,925,328,607
Cộng nợ phải thu	<u>100,065,186,004</u>	<u>191,698,713,203</u>
Tổng Công ty xây dựng số 1		
Giao thầu xây lắp		
Tiền mua bán thép	11,280,872,902	22,570,834,029
Tiền vốn vay các HĐTD		81,827,372,000
Tiền lãi vay các HĐTD		1,949,404,933
Công ty liên doanh bề tông đúc sẵn VINA- PSMC		
Giao thầu xây lắp	2,093,746,172	2,845,910,513
Mua vật tư		
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây		
Giao thầu xây lắp	69,792,199	96,328,695
Mua vật tư (S-059)	2,157,473,162	8,753,129,631
Bán vật tư (ứng trước tiền hàng)		
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích		
Mua vật tư	3,981,860,180	
Cộng nợ phải trả	<u>19,583,744,614</u>	<u>118,042,979,801</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. THUYẾT MINH VỀ CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA QUÝ 4-2013 SO VỚI CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC :

Doanh thu thuần Quý 4-2013 là 400 tỷ đồng đạt 65,97 % so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế lỗ là do nguyên nhân sau :

Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh chính giảm :

- Tình hình chung của bất động sản đầu tư hiện nay đang trong tình trạng trầm lắng; và Nghị quyết 11-NQ/CP về cắt giảm đầu tư công ngừng triển khai các dự án mới về giao thông và hạ tầng cơ sở trong khi đó khách hàng của Công ty C&T chủ yếu là các nhà thầu xây dựng, giao thông và các nhà đầu tư bất động sản vì vậy đã ảnh hưởng đến doanh thu bán hàng làm lợi nhuận giảm tương ứng;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2014



Trần Hà Nguyễn Huy Tuấn
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng

Trần Công Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100,150,690,000	81,585,637,916	(1,012,784,684)	137,028,037	13,404,146,472	10,440,037,257	28,604,321,799	233,309,076,797
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư trong năm	-	-	-	(137,028,037)	-	-	-	(137,028,037)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(75,132,708,992)	(75,132,708,992)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	101,384,248	202,768,496	(709,689,736)	(405,536,992)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi khác	-	-	-	-	-	-	(956,406,458)	(956,406,458)
Số dư cuối năm trước	100,150,690,000	81,585,637,916	(1,012,784,684)	-	13,505,530,720	10,642,805,753	(48,194,483,387)	156,677,396,318
Số dư đầu năm nay	100,150,690,000	81,585,637,916	(1,012,784,684)	-	13,505,530,720	10,642,805,753	(48,194,483,387)	156,677,396,318
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(82,857,439,652)	(82,857,439,652)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi khác	-	-	-	-	-	-	(172,878,138)	(172,878,138)
Số dư cuối kỳ này	100,150,690,000	81,585,637,916	(1,012,784,684)	-	13,505,530,720	10,642,805,753	(131,224,801,176)	73,647,078,529


Trần Hà Nguyễn Huy Tuấn
Người lậpPhạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởngTrần Công Quốc Bảo
Tổng Giám đốc